

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị H, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 322, ấp Trương Văn Vững, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang;

Nơi tạm trú: Nhà trọ Thanh Lâm, ấp An Bình, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Danh Đ, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 322, ấp Trương Văn Vững, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang;

Nơi tạm trú: Ấp An Bình, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2019 của nguyên đơn - chị Thị H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh Danh Đ chung sống với nhau vào tháng 5 năm 2004, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014 ngày 21-01-2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Do anh Đ quen nhiều bạn nhậu nên thường xuyên đi nhậu, không hoàn thành công việc tại Công ty anh Đ đang làm nên cứ vài tháng thì bị Công ty sa thải. Chị H ngoài giờ làm việc trong Công ty còn phải làm thêm để đủ tiền chi phí trong gia đình. Kinh tế gia đình luôn gặp khó khăn, mấy năm gần đây anh Đ có tính vũ phu, gia trưởng. Mỗi lần anh Đ thấy chị H vắng nhà thì đi tìm kiếm, chửi mắng đánh đập không cần biết lý do. Ngày 17-9-2019, chị và anh Đ mỗi người thuê 01 phòng trọ sống riêng và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung tên Danh T, sinh ngày 28-5-2005, Danh Hoài S, sinh ngày 07-4-2007 và Danh Hoài X, sinh ngày 04-01-2010 do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày 21-7-2019 đến nay. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Danh Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Ngoài ra, còn có nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị H thường đi nhậu với bạn nam và bạn nữ vào ban đêm nên anh có nghi ngờ lòng chung thủy của chị H. Thỉnh thoảng, anh có gây gổ không cho chị H đi nhậu vào ban đêm nhưng chị H không nghe lời anh khuyên mà vẫn tiếp tục đi nhậu. Kinh tế gia đình luôn gặp khó khăn, anh có quan tâm đến cuộc sống của vợ con nhưng do không có thu nhập nên không có tiền để chăm lo kinh tế gia đình,

Anh yêu cầu được đoàn tụ với chị H. Nếu Tòa án xét xử cho chị H ly hôn anh thì:

Về con chung: Chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Danh T, sinh ngày 28-5-2005, cháu Danh Hoài S, sinh ngày 07-4-2007 và cháu Danh Hoài X, sinh ngày 04-01-2010 anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự và bị đơn, cụ thể không tham gia phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị H đối với anh Danh Đ.

Về con chung: Giao chị H tiếp tục nuôi 03 người con chung tên Danh T, sinh ngày 28-5-2005; Danh Hoài S, sinh ngày 07-4-2007; Danh Hoài X, sinh ngày 04-01-2010. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Đ trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đ vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh Đ chung sống với nhau vào tháng 5 năm 2004, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014 ngày 21-01-2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống, anh Đ không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không chăm lo kinh tế gia đình, nghi ngờ lòng chung thủy của chị H, vợ chồng gây gổ nhau. Ngày 17-9-2019, chị H và anh Đ mỗi người thuê 01 phòng trọ sống riêng và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh Đ yêu cầu đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị H và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Đ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ có 03 con chung là Danh T, sinh ngày 28-5-2005, Danh Hoài S, sinh ngày 07-4-2007 và Danh Hoài X, sinh ngày 04-01-2010. Tại phiên tòa hôm nay, chị H yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Danh T, Danh Hoài S và Danh Hoài X, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đồng ý giao 03 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Qua làm việc các cháu Sao, S, X có yêu cầu được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao các cháu Danh T, Danh Hoài S và Danh Hoài X cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị H đối với anh Danh Đ.

Chị Thị H được ly hôn anh Danh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là các cháu Danh T, sinh ngày 28-5-2005, Danh Hoài S, sinh ngày 07-4-2007 và Danh Hoài X, sinh ngày 04-01-2010 cho chị Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị H và anh Danh Được không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017402 ngày 31-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã TH;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngện